TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 92/2018/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 87/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Quỳnh N, sinh năm 1997, địa chỉ: Bản NB, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1990, địa chỉ: Tiểu khu TN, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Quỳnh N và anh Đỗ Văn Đ

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Phạm Thị Quỳnh N và anh Đỗ Văn Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị N, anh Đ có 01 con chung là cháu Đỗ Phạm Bảo A, sinh ngày 28/4/2015. Giao cháu Đỗ Phạm Bảo A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Phạm Bảo A cùng chị N mỗi tháng là 700.000 đồng/1 tháng (bảy trăm nghìn đồng/một tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu Đỗ Phạm Bảo A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

d. Về án phí: Chị N nhận chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/04750 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Chị N được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

Anh Đ phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CN;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh